TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày: 20 - 01 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Vần; bà Lê Thị Phương Thuận.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-HS ngày 08/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HS ngày 09/01/2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1952, tại thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương; HKTT và chỗ ở: thôn N, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Trịnh Thị T1 (đã chết); Vợ: Vũ Thị T2, sinh năm 1958, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1979, con nhỏ nhất sinh năm 1983; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Zhang Daishan, sinh năm 1977. Số hộ chiếu: EK6555193, cấp ngày 04/10/2023 tại Trung Quốc; Nơi đăng ký HKTT: Số A, Thôn H (H), thị trấn H (X), thành phố L (L), tỉnh Sơn Đông (S1), Trung Quốc; Nơi cư trú: Cụm C, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Hán; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Trung Quốc; Con ông Zhang Wei Z, sinh năm 1954 và bà Sun Gui X, sinh năm 1955; Vợ: Sun S, sinh năm 1981, có 01 con sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/9/2024 đến ngày 26/11/2024 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người phiên dịch cho bị cáo Zhang D*: Anh Nguyễn Lâm Phương L - Trình độ: Đại học ngành ngôn ngữ Trung Quốc. Địa chỉ: Số D N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **Công ty TNHH H**. Địa chỉ: Lô C Cụm C, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: ông Jang J - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: bà Ngô Thị L1 - Trưởng phòng nhân sự (theo giấy uỷ quyền ngày 27/6/2024), Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người làm chứng*:

- Anh Giàng Seo C, sinh năm 1991; anh Lù Khoáy T3, sinh năm 2005; anh Thào Seo S, sinh năm 1982; anh Giàng Mí X1, sinh năm 1988; anh Trần Văn L2, sinh năm 1982. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1986 - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH H (viết tắt là Công ty H), mã số thuế: 0801276218, địa chỉ: Lô C, Cụm C, huyện C, tỉnh Hải Dương đăng ký thành lập ngày 11/01/2019, chủ sở hữu: Công ty CP G, địa chỉ: G, 101, J-ro, Daedeok-myeon, A-si (Hàn Quốc). Người đại diện theo pháp luật là ông Jang J, sinh năm 1966, quốc tịch Hàn Quốc. Công ty H hoạt động sản xuất chính trong lĩnh vực chế biến rau, củ, quả cấp đông. Công ty giao cho Zhang D trực tiếp quản lý, sử dụng xe ôtô tải BKS 34LD-010.39 và phụ trách kiểm soát hàng hóa và quản lý việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải của công ty. Công ty H ký hợp đồng thuê Công ty cổ phần M thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt và hợp đồng thuê Công ty cổ phần P, ở thôn S, xã P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất.

Bãi thu gom chất thải xã C có diện tích khoảng 100m^2 nằm trong khuôn viên lò đốt rác cũ của tỉnh Hải Dương (đã ngừng hoạt động) trên diện tích đất công thuộc thôn P, xã C được sử dụng làm nơi tập kết chất thải sinh hoạt chờ xử lý của người dân xã C. Khoảng năm 2016, UBND xã C giao cho anh Trần Văn L2, sinh năm 1982, ở thôn C, xã C quản lý. Từ năm 2019 đến nay, anh L2 giao cho ông Nguyễn Văn T (bố vợ của anh L2) trông nom, quản lý bãi thu gom chất thải. Ngày 31/12/2020, UBND huyện C có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư cho hộ kinh doanh anh Trần Văn L2 thuê 8.112m^2 đất thực hiện dự án

đầu tư xây dựng xưởng gia công kết cấu thép và thiết bị công nghiệp, trong đó có diện tích đất bãi tập kết chất thải sinh hoạt xã C nêu trên. Do dự án chưa triển khai thực hiện nên UBND xã C tiếp tục sử dụng phần diện tích khoảng 100m^2 đất trên để làm nơi tập kết chất thải sinh hoạt chờ xử lý của người dân.

Khoảng tháng 5/2024, T biết thông tin Công ty H có chất thải là rau củ quả hỏng và vỏ rau củ quả. Mặc dù biết rõ khu vực lò đốt rác cũ không được đổ rác nhưng T vẫn đến Công ty xin chất thải về ủ làm phân bón trồng cây. Thích đến Công ty H gặp Zhang D để hỏi xin chất thải thì Zhang D đồng ý cho T chất thải là xoài hỏng, vỏ xoài, hạt xoài phát sinh trong quá trình sản xuất. Thích và Zhang D thống nhất, Zhang D sẽ bố trí xe vận chuyển chất thải từ Công ty đến khu đất trống phía sau lò đốt rác cũ, cách bãi tập kết chất thải sinh hoạt xã C khoảng 45m về phía T; trước mỗi lần vận chuyển chất thải, Zhang D sẽ sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, lắp sim số 0862062099 gọi đến điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim số 0332697408 của T, nếu hai bên nói "ôkê" tức là Thích có mặt tại bãi tập kết chất thải thì Zhang D sẽ điều khiển xe ôtô chở chất thải đến. Mỗi lần đi đổ chất thải, Zhang D sẽ bảo chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1986, ở thôn Q, xã T, huyện C là người phụ trách hoạt động sản xuất, quản lý công nhân tại xưởng sản xuất của công ty, phân công công nhân bốc các bao chất thải lên xe ôtô BKS 34LD-010.39 và giúp Zhang D đi đổ chất thải (chị T4 không biết việc Z1 đi đổ chất thải tại xã C). Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2024 đến tháng 6/2024, Zhang D đã nhiều lần sử dụng xe ôtô tải BKS 34LD-010.39 vận chuyển các bao đựng chất thải là xoài hỏng, vỏ xoài, hạt xoài đến đổ trái phép tại vị trí trên.

Chiều tối ngày 25/6/2024, sau khi liên hệ với T qua điện thoại, Zhang D bảo chị T4 phân công công nhân bốc các bao chất thải tại công ty lên xe ôtô BKS 34LD-010.39. Chị T4 bảo anh Giàng Mí X1, sinh năm 1988, ở thôn X, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang (là nhóm trưởng nhóm công nhân sơ chế) phân công công nhân giúp Zhang Daishan bốc chất thải. Anh Giàng Mí X1 phân công anh Lù Khoáy T3, sinh năm 2005, ở thôn T, xã P, huyện X, tỉnh Hà Giang; anh Giàng Seo C, sinh năm 1991, ở thôn H, xã C, huyện X, tỉnh Hà Giang và anh Thào Seo S, sinh năm 1982, ở thôn X, xã X, huyện X, tỉnh Hà Giang làm nhiệm vụ. Sau khi bốc các bao chất thải lên xe ôtô BKS 34LD-010.39, Zhang D điều khiển xe chở Lù Khoáy T3, Giàng Seo C, Thào Seo S đến vị trí bãi đất phía sau lò đốt rác cũ. Tại đây, Zhang D bảo 3 người bốc các bao chất thải từ trên xe xuống vị trí đã đổ chất thải trước đó. Đến 19 giờ cùng ngày, khi Lù K, Giàng Seo C, Thào Seo S vừa bốc hết chất thải trên xe xuống thì bị Công an xã C phát hiện, lập biên bản, quản lý xe ôtô BKS 34LD-010.39. Ngày 27/6/2024, Công an xã C hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện C giải quyết theo thẩm quyền, vụ việc được điều tra, làm rõ.

Cơ quan điều tra khám nghiệm hiện trường, cân toàn bộ số chất thải Zhang D đã đổ trái phép tại bãi đất trống phía sau lò đốt rác cũ thuộc thôn P, xã C, xác định tổng khối lượng là 213.790kg.

Tại Bản kết luận giám định số 5477/KL-KTHS ngày 25/7/2024 của V1 Bộ C1, kết luận: 213.790 kg chất thải thu giữ là chất thải rắn thông thường.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 06/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Zhang D về tội "Gây ô nhiễm môi trường" theo điểm d khoản 2 Điều 235 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Zhang D về tội "Gây ô nhiễm môi trường".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 235, Điều 17, Điều 58, điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm đến 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện C giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 235, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Zhang D. Xử phạt bị cáo Zhang D từ 500.000.000đ đến 550.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước trị giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo T; tịch thu tiêu hủy sim số 0332697408.

Yêu cầu doanh nghiệp V2 thu hồi số thuê bao di động 0332697408 theo quy định của pháp luật.

Quản lý lưu hồ sơ vụ án 02 đĩa quang lưu trữ file ghi âm lời khai bị cáo Zhang D và 01 đĩa quang lưu trữ file ghi âm lời khai bị cáo T.

Trả lại cho bị cáo Zhang D 01 Hộ chiếu số EK6555193, cấp ngày 04/10/2023, nơi cấp: Trung Quốc; 01 Thẻ căn cước số C, nơi cấp: Trung Quốc; 01 giấy thị thực số DA 6227956, cấp ngày 20/6/2024 tại Phòng Q Công an tỉnh H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí

và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Zhang D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi như nội dung nêu trên, nhất trí với nội dung cáo trạng cũng như quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản vụ việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2024 đến ngày 25/6/2024, Nguyễn Văn T đã có hành vi xin Zhang Daishan, là người phụ trách việc xử lý chất thải của Công ty TNHH H, địa chỉ: Lô C, Cụm C, huyện C, tỉnh Hải Dương chất thải là quả xoài hỏng, vỏ xoài, hạt xoài phát sinh trong quá trình sản xuất của công ty. Sau đó, theo chỉ dẫn của T, Zhang D đã nhiều lần điều khiển xe ôtô tải BKS 34LD-010.39 của công ty vận chuyển các loại chất thải trên từ công ty đến đổ trái pháp luật tại khu đất trống phía sau lò đốt rác cũ, gần bãi tập kết chất thải xã C. Tổng khối lượng chất thải rắn thông thường mà Zhang D và T đã đổ ra môi trường trái pháp luật là 213.790kg.

[3]. Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã chuyển chất thải là quả xoài hỏng, vỏ xoài, hạt xoài phát sinh trong quá trình sản xuất, chưa qua xử lý từ Công ty TNHH H đổ ra môi trường, gây ô nhiễm không khí và nguồn nước, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý nên phải chịu trách nhiệm hình sự do mình gây ra. Các bị cáo Zhang D và T đã đổ ra môi trường trái pháp luật là 213.790kg nên hành vi

của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Gây ô nhiễm môi trường" theo điểm d khoản 2 Điều 235 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét vị trí, vai trò của các bị cáo thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng, chỉ dẫn địa điểm đổ chất thải cho Z1 nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo Zhang D là người trực tiếp thực hiện việc đổ chất thải ra môi trường nên đồng phạm, giữ vai trò sau bị cáo T.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T khi phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm o khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Zhang D đã tác động Công ty H khắc phục hậu quả việc xử lý chất thải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét bị cáo Nguyễn Văn T là người già yếu, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo cách ly xã hội mà xử hình phạt tù cho hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo theo quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và đảm bảo phòng ngừa chung trong xã hội. Đối với bị cáo Zhang D có nghề nghiệp làm công nhân, có điều kiện về kinh tế để thi hành án hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo T là người già, không có tài sản; bị cáo Zhang D đã bị xử phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 4 Điều 235 BLHS.

[7] Về khắc phục hậu quả và chi phí xử lý chất thải: Quá trình điều tra, bị cáo Zhang D đã tác động nhờ Công ty TNHH H khắc phục hậu quả xử lý chất thải ra môi trường, Công ty TNHH H đã ký Hợp đồng với Công ty TNHH MTV Đ để xử lý 213.790kg chất thải với số tiền 534.475.000đ. Người đại diện theo ủy

quyền của Công ty TNHH H xác định Công ty tự nguyện chịu trách nhiệm chi phí xử lý chất thải, không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả, bồi thường số tiền xử lý chất thải nên HĐXX không xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra quản lý ôtô BKS 34LD-010.39, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, lắp sim số 0862062099 của Zhang D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim số 0332697408 của Thích; quản lý của bị cáo Zhang D 01 Hộ chiếu số EK6555193, cấp ngày 04/10/2023, nơi cấp: Trung Quốc; 01 Thẻ căn cước số C, nơi cấp: Trung Quốc; 01 giấy thị thực số DA 6227956, cấp ngày 20/6/2024 tại Phòng Q Công an tỉnh H.

Quá trình điều tra xác định xe ôtô BKS 34LD-010.39 và điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, lắp sim số 0862062099 là tài sản của Công ty H. Ngày 07/12/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho Công ty H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim số 0332697408 là tài sản của bị cáo T. Bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước trị giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và tịch thu tiêu hủy sim số 0332697408 theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 02 đĩa quang lưu trữ file ghi âm lời khai bị cáo Zhang D và 01 đĩa quang lưu trữ file ghi âm lời khai bị cáo T trong quá trình điều tra cần tiếp tục quản lý lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 Hộ chiếu số EK6555193, cấp ngày 04/10/2023, nơi cấp: Trung Quốc; 01 Thẻ căn cước số C, nơi cấp: Trung Quốc; 01 giấy thị thực số DA 6227956, cấp ngày 20/6/2024 tại Phòng Q Công an tỉnh H. Đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo Zhang D, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo ngay sau khi kết thúc phiên tòa theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo T sử dụng số thuê bao di động 0332697408 để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy yêu cầu doanh nghiệp V2 thu hồi số thuê bao di động nêu trên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 53 Luật Viễn thông.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Zhang D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo T là người trên 60 tuổi nên Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về các vấn đề khác:

Quá trình điều tra xác định chị Nguyễn Thị T4 và anh Giàng Mí X1 không biết việc Zhang D cho T chất thải, không biết Zhang D phân công công nhân bốc chất thải chở đi đâu; Công ty TNHH H và anh Trần Văn L2 không biết việc T xin Zhang Daishan chất thải về đổ tại khu đất trống phía sau lò đốt rác cũ, gần bãi tập kết chất thải xã C; anh Lù Khoáy T3, Giàng Seo C, Thào Seo S được Zhang D chỉ đạo đi theo xe ôtô đổ chất thải nhưng không biết quy trình, thủ tục xử lý chất thải của công ty, không biết việc công ty không được phép đổ chất thải tại đây do vậy không đồng phạm về tội Gây ô nhiễm môi trường, không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 235, Điều 17, Điều 58, điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 235, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Zhang D.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Zhang D phạm tội "Gây ô nhiễm môi trường".

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **01** (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **02** (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/01/2025.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Zhang D **500.000.000đ** (năm trăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước trị giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo T; tịch thu tiêu hủy sim số 0332697408. (*Tình trạng, đặc điểm vật chứng trên theo Biên bản giao nhận giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng ngày 15/01/2025*).

- Quản lý lưu hồ sơ vụ án 02 đĩa quang lưu trữ file ghi âm lời khai bị cáo Zhang D và 01 đĩa quang lưu trữ file ghi âm lời khai bị cáo T.

- Trả lại 01 Hộ chiếu số EK6555193, cấp ngày 04/10/2023, nơi cấp: Trung Quốc; 01 Thẻ căn cước số C, nơi cấp: Trung Quốc; 01 giấy thị thực số DA 6227956, cấp ngày 20/6/2024 tại Phòng Q Công an tỉnh H cho bị cáo Zhang D ngay sau khi kết thúc phiên tòa.

- Yêu cầu doanh nghiệp V2 thu hồi số thuê bao di động 0332697408 theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 53 Luật Viễn thông.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Zhang D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./..

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Cẩm Giàng;
- Công an huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng;
- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Bùi Ngọc Khuyến